

Cao Bằng, ngày 05 tháng 9 năm 2024

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 23 (huyện Trùng Khánh)

Môn: Phần C.I. Xây dựng Đảng

Ngày thi: 07/8/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Hoàng Thị Bạch	6,50	Sáu phẩy năm	37	La Thị Mây	7,00	Bảy
2	La Thị Biếc	7,00	Bảy	38	Nguyễn Thị Minh Nghiệp	7,00	Bảy
3	Lục Thị Chinh	7,25	Bảy phẩy hai năm	39	Luong Văn Ngu	8,00	Tám
4	Hoàng Văn Cương	7,50	Bảy phẩy năm mươi	40	Thang Thị Nguyệt	7,25	Bảy phẩy hai năm
5	Hoàng Văn Dự	7,00	Bảy	41	Trần Đức Nhâm	6,50	Sáu phẩy năm mươi
6	Hoàng Thị Duyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	42	Hoàng Thị Nhung	8,00	Tám
7	La Thị Duyên	8,00	Tám	43	Nông Thị Nhung	7,00	Bảy
8	La Thị Duyên	8,00	Tám	44	Ngân Thị Nương	7,75	Bảy phẩy bảy năm
9	Nông Thị Duyên	7,50	Bảy phẩy năm mươi	45	Ngô Thị Phương	8,00	Tám
10	Luong Thị Gấm	7,25	Bảy phẩy hai năm	46	Đàm Văn Quang	7,50	Bảy phẩy năm mươi
11	Nông Thị Hằng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	47	Mông Đình Quế	7,25	Bảy phẩy hai năm
12	Nông Thị Hành	8,00	Tám	48	Chu Thị Quý	6,50	Sáu phẩy năm mươi
13	Luong Thị Hạnh	8,00	Tám	49	Hà Thị Quyền	8,00	Tám
14	Bê Thị Hào	7,50	Bảy phẩy năm mươi	50	Lãnh Thị Minh Tâm	8,00	Tám
15	Dương Thị Hào	8,00	Tám	51	Hoàng Văn Thái	8,00	Tám
16	Hoàng Đức Hiếu	7,00	Bảy	52	Nông Thị Thắm	8,00	Tám
17	Ngân Thị Hòa	8,00	Tám	53	Bê Thị Thê	8,25	Tám phẩy hai năm
18	Luong Thị Hợp	7,75	Bảy phẩy bảy năm	54	Hứa Văn Thiệp	6,25	Sáu phẩy hai năm
19	Hoàng Văn Huân	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	Lục Văn Thiệp	6,75	Sáu phẩy bảy năm
20	Đàm Thị Huệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	56	Hoàng Văn Thơm	6,75	Sáu phẩy bảy năm
21	Hoàng Kim Huệ	8,25	Tám phẩy hai năm	57	Lục Thị Thu	7,00	Bảy
22	Nông Thị Hương	7,50	Bảy phẩy năm mươi	58	Nông Văn Thượng	6,75	Sáu phẩy bảy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Hứa Quốc Huy	7,50	Bảy phẩy năm mươi	59	Hứa Thị Thúy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
24	Hoàng Bích Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	60	Nông Ngọc Thủy	8,00	Tám
25	Hoàng Văn Khai		Thôi học	61	Triệu Thị Thủy	7,25	Bảy phẩy hai năm
26	Hà Phúc Khải	7,25	Bảy phẩy hai năm	62	Nguyễn Ngọc Tịch	7,50	Bảy phẩy năm mươi
27	Hoàng Thị Khâm	6,50	Sáu phẩy năm	63	Lương Thị Tiên	7,25	Bảy phẩy hai năm
28	Nông Đức Khánh	7,25	Bảy phẩy hai năm	64	Nguyễn Quang Tiến	8,00	Tám
29	La Đức Kiêm	6,75	Sáu phẩy bảy năm	65	Triệu Thị Tòn	7,50	Bảy phẩy năm mươi
30	Hoàng Thị Kỳ	7,25	Bảy phẩy hai năm	66	Hoàng Minh Trọng	6,50	Sáu phẩy năm mươi
31	Sầm Thị Lanh	6,50	Sáu phẩy năm	67	Hoàng Đức Trung	7,25	Bảy phẩy hai năm
32	Đinh Thị Liên	8,25	Tám phẩy hai năm	68	Đàm Thị Tuyên	7,50	Bảy phẩy năm mươi
33	Nông Thị Liễu	8,00	Tám	69	Vi Thị Viện	7,00	Bảy
34	Nông Thị Luyến	7,25	Bảy phẩy hai năm	70	Hoàng Thị Yến	7,00	Bảy
35	Nông Thị Ly	8,00	Tám	71	Ngôn Hải Yến	8,00	Tám
36	Nông Thị Mận	8,00	Tám	72	Lý Thị Hoài	8,25	Tám phẩy hai năm

Điểm 6,25: 01 điểm; Điểm 6,50: 06 điểm; Điểm 6,75: 04 điểm; Điểm 7,00: 09 điểm; Điểm 7,25: 12 điểm; Điểm 7,50: 09 điểm; Điểm 7,75: 07 điểm; Điểm 8,00: 19 điểm; Điểm 8,25: 04 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thu Hằng



Đoàn Thị Vân Thúy



Trịnh Thị Ánh Hoa